

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỷ XIX).

Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông.

Bài 13. Việt Nam và Biển Đông.

II. HÌNH THỨC

1. Trắc nghiệm khách quan (50%): 20 câu (0,25 điểm/câu).

2. Trắc nghiệm đúng sai (20%): 2 câu (1,0 điểm/câu), mỗi câu gồm 4 ý (0,25 điểm/ý).

3. Tự luận (30%): 1 đến 2 câu (3,0 điểm)

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỷ XIX)

- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Minh Mạng.
- Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.

Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông

- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ.
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển,...
- Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ.
- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

Bài 13. Việt Nam và Biển Đông

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh và phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử.
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.

BÀI 11. CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG **(NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)**

1. Bối cảnh lịch sử

- Năm 1802, triều Nguyễn thành lập với lãnh thổ mới rộng lớn, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.
- Bộ máy chính quyền thời Gia Long và những năm đầu thời Minh Mạng:
 - + Triều đình trung ương (ở Phú Xuân- Huế) kiểm soát 4 dinh và 7 trấn từ Thanh Hóa đến Bình Thuận.
 - + Bắc thành: quản lý 11 trấn ở phía Bắc do Tổng trấn đứng đầu.
 - + Gia Định thành: quản lý 5 trấn ở phía Nam.

- Nhận xét: thiếu sự thống nhất, đồng bộ và tập trung, quyền lực của vua và triều đình bị hạn chế => sau khi lên ngôi, Minh Mạng từng bước tiến hành cải cách.

2. Nội dung cải cách

a. Bộ máy chính quyền trung ương

- Cơ sở: kế thừa mô hình của các triều đại trước kết hợp với học tập có cải biến mô hình của nhà Minh, Thanh.

- Nội dung: từng bước hoàn thiện bộ máy chính quyền trung ương.

+ Các cơ quan chủ chốt: Nội các, Đô sát viện, Cơ mật viện, Lục bộ, Lục khoa, Lục tự..

+ Cơ quan có vai trò quan trọng đặc biệt: Nội các, Đô sát viện và Cơ mật viện.

+ Các cơ quan chuyên môn được kiện toàn, hoàn chỉnh về chức năng, nhiệm vụ: Hàn lâm viện, Quốc Tử Giám.

- Nhận xét: quyền lực tập trung vào tay vua, chú trọng và tăng cường chế độ giám sát, xét xử và giải quyết kiện tụng.

b. Bộ máy chính quyền địa phương

- Xóa bỏ Bắc Thành và Gia Định Thành, chia nước thành 30 tỉnh do Tổng đốc, Tuần phủ đứng đầu

- Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu, tổng, xã do các chức quan phụ trách.

- Đối với vùng dân tộc thiểu số, Minh Mạng đặt lưu quan, bãi bỏ chế độ thổ quan và quyền thế tập của các tù trưởng, đổi các bản, động, sách thành xã.

3. Kết quả, ý nghĩa

*** Kết quả:**

- Hệ thống hành chính trên cả nước được cấu trúc lại một cách thống nhất, chặt chẽ.

- Xác lập được nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ.

- Hệ thống cơ quan, chức quan các cấp được hoàn thiện, có sự giám sát, ràng buộc chặt chẽ với nhau.

*** Ý nghĩa:**

- Có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt hành chính, đặt nền móng cho thể chế chính trị triều Nguyễn nhiều thập kỉ sau đó.

- Góp phần làm cho tình hình chính trị- xã hội ở các địa phương chuyển biến tích cực.

- Để lại di sản quan trọng trong nền hành chính quốc gia thời kì cận - hiện đại, đặc biệt là cấu trúc hành chính cấp tỉnh, huyện, xã.

CHƯƠNG VI: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

Bài 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

1. Vị trí của biển Đông

- Biển Đông nằm ở rìa tây Thái Bình Dương, có chiều dài khoảng 1900 hải lí, chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 600 hải lí.

- Biển Đông là một trong những biển lớn của thế giới với diện tích hơn 3,447 triệu km², trải dài từ bờ biển Việt Nam ở phía tây đến các đảo Lu-dông, Pa-lau-oan (Philíppin) và Bô-nê-ô (Indônêxia, Malaixia, Brunây) ở phía đông và từ bờ biển Trung Quốc ở phía bắc đến các đảo của Indônêxia ở phía nam.

2. Tầm quan trọng chiến lược của biển Đông

a. Tuyến đường giao thông huyết mạch

- Nằm trên tuyến giao thông đường biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Á - châu Âu, châu Á - Trung Đông.

- Biển Đông giữ vị trí là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới tính theo tổng lượng hàng hoá thương mại vận chuyển hàng năm.

- Ở Biển Đông có những eo biển giữ vai trò quan trọng như: eo biển Ma-lắc-ca, eo biển Xun-đa, eo biển Lô-m-bôc,... → giúp cho đường giao thông trên biển qua các đại dương ngăn lại, tiết kiệm chi phí vận tải và hạn chế rủi ro.

b. Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương

*** Về kinh tế**

- Là cửa ngõ giao thương quốc tế của nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp giáp, Biển Đông giữ vai trò là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- Nhiều nước ở khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á có nền kinh tế gắn liền với các con đường thương mại, hệ thống cảng biển và nguồn tài nguyên trên Biển Đông như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Indônêxia, Xingapo, Việt Nam,...

- Biển Đông được coi là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất châu Á với một khối lượng lớn hàng hoá vận chuyển quốc tế qua đây

*** Về chính trị - an ninh**

- Trong lịch sử, Biển Đông là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của nhiều nước lớn, đồng thời là nơi diễn ra quá trình giao thoa của các nền văn hoá như Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa, nơi tập trung đa dạng các mô hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của thế giới. Vì vậy, tình trạng tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông cũng xuất hiện từ sớm và khá phức tạp.

- Hiện nay, Biển Đông có vị trí địa - chính trị quan trọng đối với các quốc gia và vùng lãnh thổ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khi giao thương trên biển phát triển, sự phụ thuộc của các quốc gia vào các tuyến đường biển đi qua Biển Đông ngày càng lớn hơn. Vì thế, an ninh trên Biển Đông sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích an ninh, chính trị và sự thịnh vượng về mặt kinh tế của khu vực, trong đó có Việt Nam.

c. Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển:

- Biển Đông có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, đặc biệt là các tài nguyên sinh vật và khoáng sản.

+ Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông phong phú và đa dạng với hàng trăm loài bao gồm cả động vật, thực vật. Trong đó, cá và các loài động vật thân mềm như tôm, mực, hải sâm.... có trữ lượng lớn. Biển Đông cũng cung cấp nhiều loại thực vật có giá trị như rong biển, tảo biển, rau câu,...

+ Biển Đông còn có nhiều loại tài nguyên khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí tự nhiên. Bên cạnh đó, vùng biển này còn có những nguồn tài nguyên khác như: năng lượng thủy triều, năng lượng gió; cát và hoá chất trong cát; muối và các loại khoáng chất.....

3. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo của Biển Đông.

a. Vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

- Biển Đông có rất nhiều đảo và quần đảo, riêng vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông đã có hơn 4000 đảo lớn, nhỏ. Trong đó Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng trên Biển Đông.

- Dựa trên cơ sở vị trí địa lí, điều kiện kinh tế, , cư dân sinh sống, hệ thống các đảo và quần đảo Việt Nam thường được chia thành hệ thống đảo tiền tiêu, các đảo lớn, các đảo ven bờ và 2 quần đảo xa bờ (Hoàng Sa và Trường Sa)

b. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở biển Đông

- Hệ thống đảo và quần đảo của Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, giữ vị trí, vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh vùng biển, vùng trời và đất liền của Tổ quốc. Cụ thể:

+ Các đảo và quần đảo Việt Nam tạo ra cơ sở để phát triển đa dạng các ngành kinh tế biển, như: đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; khai thác khoáng sản; vận tải hàng hải và du lịch biển.

+ Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa nằm ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi cho việc xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho các tàu di chuyển trên biển, phục vụ tuyến đường hàng hải huyết mạch trên Biển Đông.

+ Hệ thống đảo, quần đảo ở vùng biển Việt Nam, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có tầm quan trọng chiến lược đối với quốc phòng, an ninh:

- Là vị trí tiền tiêu, giúp bảo vệ đất liền từ xa, phát hiện sớm nguy cơ xâm phạm.
- Giúp kiểm soát vùng biển, vùng trời và các tuyến hàng hải quan trọng.
- Là nơi xây dựng căn cứ quốc phòng, tăng cường năng lực phòng thủ.
- Góp phần khẳng định và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

Sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, quần đảo trên Biển Đông đã hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng, từ xa đến gần, tạo thành hệ thống an ninh vững chắc để bảo vệ đất liền.

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG

1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam

a. Quốc phòng- an ninh

- Hệ thống các đảo và quần đảo của Việt Nam trên Biển Đông đã góp phần bảo vệ vùng trời, vùng biển và đất liền. Ngoài ra, nó còn là cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa.

- Bên cạnh đó, nằm trên tuyến giao thông biển huyết mạch và là địa bàn chiến lược ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Biển Đông giữ vai trò bảo vệ an ninh hàng hải, chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam.

- Biển Đông là con đường giao thương giữa các khu vực trong cả nước và giữa Việt Nam với thị trường khu vực và quốc tế. Biển Đông cũng là con đường giúp Việt Nam giao lưu và hội nhập với các nền văn hoá khác.

=> Biển Đông tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt Việt Nam trước những thách thức trong việc bảo vệ quốc phòng, an ninh, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá.

b. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

Là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng, tài nguyên phong phú, Biển Đông góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam như:

+ **Về giao thông vận tải:** Hệ thống cảng biển tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải.

+ **Về công nghiệp khai khoáng:** dầu khí có trữ lượng lớn với các bể trầm tích như: Cửu Long, Nam Côn Sơn,... và có điều kiện khai thác khá thuận lợi. Vùng biển Việt Nam còn chứa đựng tiềm năng lớn về quặng sa khoáng như titan, thiếc, vàng, sắt, thạch cao, cát đen,...

+ **Khai thác tài nguyên sinh vật biển:** Biển Đông là vùng biển đa dạng về sinh học riêng trữ lượng cá biển trên các vùng biển của Việt Nam ước tính khoảng 3 – 4 triệu tấn năm, khả năng khai thác 1.4 – 1.6 triệu tấn năm.

+ **Du lịch:** Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng hàng động. Các bán đảo và đảo lớn nhỏ liên kết với nhau tạo thành quần thể du lịch như vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh), đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang),...phù hợp để phát triển đa dạng các loại hình du lịch

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

* Dưới thời chúa Nguyễn:

- Thế kỉ XVII: chúa Nguyễn cho lập Đội Hoàng Sa đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

- Đầu thế kỉ XVIII: chúa Nguyễn lập Đội Bắc Hải (dưới sự kiểm quản của Đội Hoàng Sa), khai thác sản vật, kiểm tra, kiểm soát, thực thi chủ quyền của Việt Nam ở Bắc Hải, đảo Côn Lôn, các đảo ở Hà Tiên.

* Dưới triều Nguyễn:

+ Các đội Hoàng Sa, Bắc Hải được tái lập (1803), đặt trong tổ chức chung của các đội Trường Đà.

→ Bảo vệ, quản lí và khai thác sản vật ở các khu vực biển đảo.

+ Thời vua Minh Mạng (1820 – 1841), hoạt động xác lập chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa diễn ra với các hình thức: kiểm tra, kiểm soát, khai thác sản vật biển, tổ chức thu thuế, cứu hộ tàu bị nạn, khảo sát đo vẽ bản đồ, dựng miếu thờ, lập bia chủ quyền,...

* Từ cuối thế kỉ XIX đến nay:

- Từ cuối thế kỉ XIX – 1945:

+ Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam, khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

+ Pháp tiến hành xây dựng bia chủ quyền, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện, thực hiện khảo sát khoa học ở hai quần đảo.

- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

+ Pháp tiếp tục thực hiện quản lí hai quần đảo.

+ Theo Hiệp định Ê-ly-dê (8/3/1949), Pháp bắt đầu quá trình chuyển giao kiểm soát hai quần đảo cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam (Bảo Đại đứng đầu).

- Năm 1954: Việt Nam Cộng hòa tiếp quản và khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

- Năm 1956: Trung Quốc đưa quân chiếm đóng nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 1/1974, quân đội Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm trái phép các đảo còn lại ở quần đảo Hoàng Sa đang thuộc sự quản lí của Việt Nam Cộng hòa.

- Tháng 4/1975: Hải quân nhân dân Việt Nam thu hồi quần đảo Trường Sa, triển khai lực lượng quản lí, bảo vệ các đảo trên quần đảo Trường Sa có quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ.

- Sau 1975: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (từ 1976 là Nhà nước CHXHCN Việt Nam) thực hiện quyền quản lí hành chính, đấu tranh về pháp lí, ngoại giao để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

b. Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- Nhà nước Việt Nam đã tiến hành các cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông với những hình thức như:

- Vũ trang tự vệ
- Đàm phán ngoại giao
- Bảo vệ và hỗ trợ ngư dân bám biển

- Ngoài ra, Việt Nam còn ban hành các chính sách, biện pháp và hành động cụ thể nhằm thực thi chủ quyền ở Biển Đông:

- Thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện
- Thực hiện công tác đối ngoại quốc phòng

Đẩy mạnh tuyên truyền về chủ quyền biển đảo

3. Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình

- Nhà nước Việt Nam đã thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với luật pháp quốc tế.

- Một số biện pháp thực hiện chủ trương giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình của Việt Nam, là:
- + Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền, như: Hiến pháp năm 2013; Luật biển Việt Nam năm 2012,...
 - + Tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS)
 - + Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các biển ở Biển Đông (DOC).

(Lưu ý: Đây chỉ là những kiến thức cơ bản, học sinh cần đọc thêm sách giáo khoa)

Cần Thơ, ngày 03 tháng 04 năm 2026

Nhóm sử 11